



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

BÀI GIẢNG NGUYÊN LÝ MÁC – LÊNIN II

Mã học phần: SSH 1120

*Tài liệu học tập hỗ trợ sinh viên
khởi không chuyên ngành Mác – Lênin*



ĐH Bách Khoa Hà Nội
Khoa Lý luận Chính trị
GV: Nguyễn Thị Phương Dung
dung.nguyenthiphuong2@hust.edu.vn

CHƯƠNG IV

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

1. Sản xuất hàng hóa
2. Hàng hóa
3. Tiền tệ
4. Quy luật giá trị

2. Hàng hóa



2.1. Khái niệm

HÀNG HÓA LÀ GÌ?



- Là sản phẩm của lao động
- Thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- Được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán trên thị trường



2.1. Khái niệm



Hàng hóa gồm 2 thuộc tính
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG và **GIÁ TRỊ**



2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa

a. Thuộc tính Giá trị sử dụng

❖ Khái niệm:

Là công dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của con người

- Nhu cầu tiêu dùng sản xuất: trang thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu...
- Nhu cầu tiêu dùng cá nhân: vật chất và tinh thần

❖ Đặc trưng:

- GTSD là phạm trù vĩnh viễn, luôn tồn tại cùng với xã hội loài người
- GTSD chỉ thể hiện trong tiêu dùng
- Một hàng hóa có thể có 1 hoặc nhiều công dụng
- Trong nền SXHH, GTSD cho xã hội và mang trên mình một Giá trị trao đổi



2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa

❖ **Giá trị trao đổi:** Quan hệ tỷ lệ về lượng khi trao đổi hàng hóa cho nhau

Ví dụ: 1 m vải đổi lấy 10 kg thóc



❖ **Câu hỏi:**

- Tại sao 2 hàng hóa khác nhau lại có thể trao đổi được cho nhau?
- Tại sao lại có thể trao đổi được ở 1 tỉ lệ nhất định?



❖ **Trả lời:**

- **Điểm chung của các hàng hóa:** Đều là sản phẩm của lao động
- **Hao phí lao động** để sản xuất ra hàng hóa là cơ sở để xác định tỷ lệ trao đổi

=> GIÁ TRỊ CỦA HÀNG HÓA



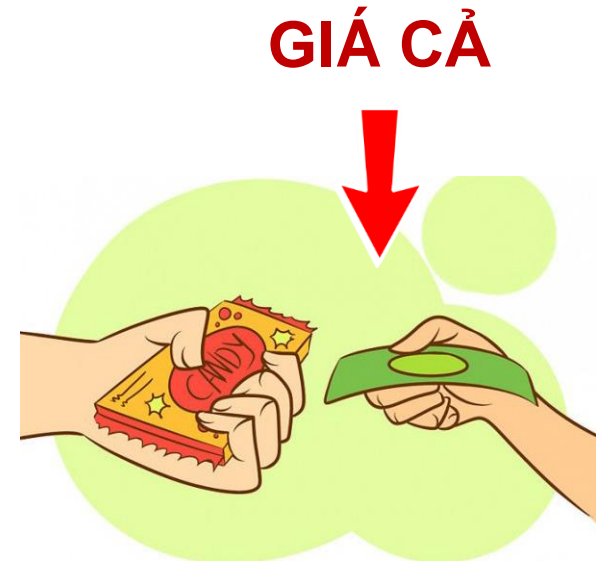
2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa

b. Thuộc tính Giá trị

- ❖ **Khái niệm:** Là hao phí lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa
- ❖ **Đặc trưng:**
 - Là phạm trù lịch sử, chỉ tồn tại khi có sự trao đổi hàng hóa
 - Thể hiện trong lưu thông
 - Giá trị là nội dung bên trong của hàng hóa

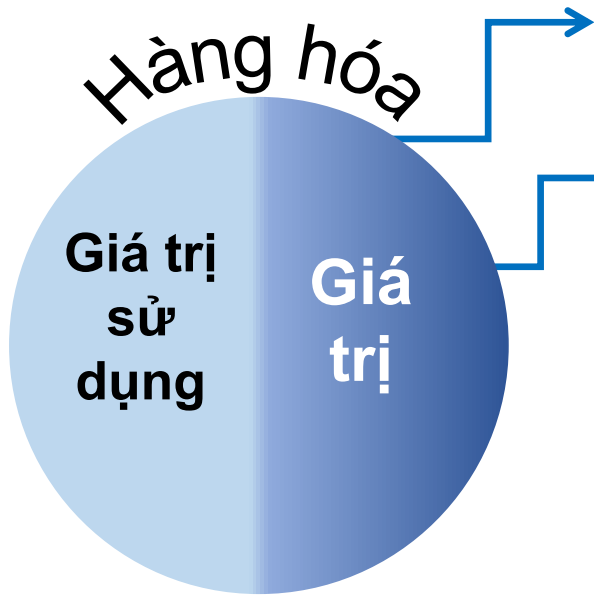
Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị.

Giá cả là hình thức biểu hiện ra bên ngoài bằng tiền của giá trị



2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa

❖ Mối quan hệ giữa hai thuộc tính



Tổng nhất: hai thuộc tính cùng tồn tại đồng thời trong một hàng hóa

Mâu thuẫn:

Về đặc trưng:

- + GTSD là phạm trù vĩnh viễn, GT là phạm trù lịch sử
- + GTSD biểu hiện trong tiêu dùng, GT biểu hiện trong lưu thông

Về mục đích của các chủ thể:

- + Mục đích của người SX: Giá trị
- + Mục đích của người mua: GTSD

=> Phải thực hiện GT trước rồi mới thực hiện GTSD



Về mặt giá trị, có thể so sánh các hàng hóa được với nhau.



LƯỢNG GIÁ TRỊ HÀNG HÓA



2.3. Lượng giá trị hàng hóa

❖ **Khái niệm:** Là lượng hao phí LĐXH để sản xuất ra hàng hóa đó

=> Được đo bằng **Thời gian lao động xã hội cần thiết**: là thời gian cần thiết để sản xuất ra hàng hóa trong các **điều kiện trung bình** của xã hội.

- Mức độ thành thạo của người lao động là trung bình
- Trình độ kỹ thuật công nghệ, thiết bị là trung bình
- Mọi điều kiện khác là trung bình, không thuận lợi, không bất lợi

❖ **Lưu ý của Các Mác:**

- Trên thực tế, việc đo thời gian LĐXH cần thiết của mỗi loại hàng hóa để xác định và so sánh giá trị các hàng hóa với nhau là **ít khả thi**
- Trên thực tế, giá trị thị trường của mỗi hàng hóa được xác định bằng **giá trị sản phẩm cá biệt** của **nhóm nhà sản xuất cung cấp đại bộ phận hàng hóa** trên thị trường



2.3. Lượng giá trị hàng hóa

❖ Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hóa

- **Năng suất lao động**
- **Cường độ lao động**
- **Mức độ phức tạp của lao động**



2.3. Lượng giá trị hàng hóa

❖ Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hóa

○ Năng suất lao động

- **Khái niệm:** Là phạm trù phản ánh khả năng, hiệu suất của quá trình lao động. Được đo bằng sản lượng/đvtg (1000 SP/năm), thời gian sản xuất/đvsp (10ph/đvsp)
- **Ảnh hưởng:**
 - + NSLĐ tỷ lệ nghịch tới giá trị 1 đvsp
 - + NSLĐ không ảnh hưởng tới giá trị tổng SP

1h sản xuất	Số lượng SP	Thời gian/đvsp	Giá trị 1đvsp	Giá trị tổng SP
Ban đầu	5	12	5\$	25\$
NSLĐ tăng 2 lần	10	6	2,5\$	25\$



2.3. Lượng giá trị hàng hóa

❖ Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hóa

○ Cường độ lao động

- **Khái niệm:** Là phạm trù phản ánh mật độ làm việc trong một khoảng thời gian
Ví dụ: 5 ngày/ tuần hoặc 6 ngày/ tuần
- **Ảnh hưởng:**
 - + CĐLĐ không ảnh hưởng tới giá trị 1 đvsp
 - + CĐLĐ tỷ lệ thuận với giá trị tổng SP

Thời điểm	TGLĐ /ngày	Số lượng SP	Thời gian/đvsp	Giá trị 1đvsp	Giá trị tổng SP
Ban đầu	8h/ngày	80	6	5\$	400\$
CĐLĐ tăng	10h/ngày	100	6	5\$	500\$



2.3. Lượng giá trị hàng hóa

❖ Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hóa

○ Mức độ phức tạp của lao động

- **Lao động giản đơn**

là lao động không cần trải qua trình độ chuyên sâu



- **Lao động phức tạp**

là lao động phải trải qua đào tạo chuyên sâu và tích lũy kinh nghiệm



=> Lao động phức tạp tạo nên lượng giá trị **gấp bội lần** lao động giản đơn



TÓM TẮT NỘI DUNG

- ❑ Hàng hóa gồm 2 thuộc tính Giá trị sử dụng và Giá trị
 - GTSD là công dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của con người
 - GT là hao phí lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa
- ❑ Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết. Trên thực tế, giá trị thị trường của mỗi hàng hóa được xác định bằng giá trị SP cá biệt của nhóm NSX cung cấp đại bộ phận hàng hóa trên thị trường
- ❑ Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hóa:
 - Năng suất lao động tỷ lệ nghịch với giá trị 1 đơn vị sản phẩm
 - Cường độ lao động tỷ lệ thuận với giá trị tổng sản phẩm
 - Mức độ phức tạp của lao động: Lao động phức tạp tạo nên lượng giá trị gấp bội lần lao động giản đơn



NỘI DUNG TIẾP THEO

CHƯƠNG IV: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ



3. Tiền tệ



ĐH Bách Khoa Hà Nội

Khoa Lý luận Chính trị

GV: Nguyễn Thị Phương Dung

dung.nguyenthiphuong2@hust.edu.vn